TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 28 – 4 – 2025.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST–HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Thị B, sinh năm: 1989 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Vĩnh L, xã Châu Ph, thị xã T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Thị Tr, thị trấn Ng, huyện Châu Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà La Thị B trình bày: Trước đây, bà và ông Trần Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/6/2013. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu đầm ấm, hạnh phúc nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, đời sống chung không thể hòa thuận, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài và không còn hạnh phúc nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung là cháu Trần Trung H (nam) sinh ngày 27/7/2013 và cháu Trần Trung Th (nam) sinh ngày 11/6/2018. Hiện cháu Trung H và cháu Trung Th đang sống với mẹ là bà B. Sau khi ly hôn yêu cầu được nuôi cháu Trung H và cháu Trung Th, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn ông Trần Văn D vẫn không đến Tòa án: Do ông D vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông D.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà La Thị B và bị đơn ông Trần Văn D vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn bà La Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông Dư.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị B; Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà La Thị B được ly hôn với ông Trần Văn D; Về con chung: giao 02 con chung là cháu Trần Trung H (nam) sinh ngày 27/7/2013 và cháu Trần Trung Th (nam) sinh ngày 11/6/2018 cho bà La Thị B tiếp tục nuôi dưỡng, ông D chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà B chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà B phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Do hôn nhân không hạnh phúc nên bà La Thị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn D, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Châu Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà La Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà La Thị B và ông Trần Văn D xác lập quan hệ hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2013. Được Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/6/2013 nên hôn nhân giữa bà B và ông D được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà B và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Dư. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà B và ông D nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, hai bên cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, từ đó bà B và ông D đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc lẫn nhau, quá trình tiến hành các giai đoạn tố tụng tại Tòa án, bà B đã được Tòa án phân tích, động viên nhằm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên phía bà B vẫn cương quyết xin ly hôn và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông D. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không đến Tòa án cho ý kiến về vụ kiện, chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà B xin ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà La Thị B được ly hôn với ông Trần Văn Dư.

[4] Về con chung: Bà La Thị B và ông Trần Văn D có 02 con chung là cháu Trần Trung Hòa (nam) sinh ngày 27/7/2013 và cháu Trần Trung Thuận (nam) sinh ngày 11/6/2018. Từ khi bà B và ông D ly thân thì cháu Trung Hòa và cháu Trung Thuận sống chung với bà Buôn. Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì bà B có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập, có chỗ ở nên đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành, hơn nữa cháu Trung Hòa và cháu Trung Thuận cũng có nguyện vọng là khi cha mẹ ly hôn mong muốn của cháu là được sống chung với mẹ. Đồng thời, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, cần ổn định cuộc sống hiện tại của cháu Trung Hòa và cháu Trung Thuận. Giao cháu Trần Trung Hòa (nam) sinh ngày 27/7/2013 và cháu Trần Trung Thuận (nam) sinh ngày 11/6/2018 cho bà La Thị B tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi tròn 18 tuổi. Ông Trần Văn D chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà La Thị B chưa yêu cầu.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chưa thành niên thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Văn D không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà La Thị B phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị B về việc xin ly hôn với bị đơn ông Trần Văn D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà La Thị B được ly hôn với ông Trần Văn D.

4. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Trung H (nam) sinh ngày 27/7/2013 và cháu Trần Trung Th (nam) sinh ngày 11/6/2018 cho bà La Thị B tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi tròn 18 tuổi. Ông Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà La Thị B không yêu cầu.

Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con chưa thành niên thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Văn D không ai được quyền cản trở.

5. Về tài sản chung: Không có.

6. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà La Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003425 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Bà B đã nộp xong.

8. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- UBND thị trấn Ngã Sáu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bỉnh **Nguyễn Văn Trương** **Nguyễn Thị Thúy Hường**